TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **61**/2018/DS-ST
Ngày 30-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Quốc Thống.

Ông Dư Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lễ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.
Địa chỉ: 40-42-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Mạch Quốc P là Giám đốc chi nhánh Cà Mau (Theo văn bản ủy quyền số 1203/QĐ-NHKL ngày 24-4-2018 của bà Trần Tuấn A là Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP X).

- *Bị đơn:* Ông Trương Tấn P, sinh năm 1960 (vắng mặt).
Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1963 (vắng mặt).
Cùng cư trú: Khóm 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-6-2018 cũng như tại phiên tòa, người đại diện

theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Mạch Quốc P trình bày:

Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Trương Tấn P có ký kết hợp đồng tín dụng số 142/15/HĐTD/2000-1442 ngày 09-10-2015 vay Ngân hàng TMCP X, cụ thể:

- Vốn vay 100.000.000 đồng; mục đích: Mua bán nón bảo hiểm, nữ trang bạc, Inox; ngày 10-10-2015 giải ngân; thời hạn vay 12 tháng (ngày đến hạn 10-10-2016).

- Lãi suất trong hạn: 7,5%/năm và cố định trong 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tính đến số dư thực tế và thời gian vay vốn thực tế, áp dụng số tiền vay giải ngân trước ngày 01-11-2015. Kể từ tháng thứ 7, lãi suất vay sẽ được thay đổi theo quy định của Ngân hàng TMCP X tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 3.69%/năm.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

- Phương thức thanh toán: Lãi vay trả hàng tháng. Vốn vay được trả vào ngày đến hạn của hợp đồng.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay: Các bên ký kết hợp đồng thế chấp số 142/15/HĐTC-BĐS/2000-1442 ngày 09-10-2015 được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09-10-2015 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số R 225649, thửa số 248, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại khóm 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau; được UBND huyện M cấp ngày 27-11-2000.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Bà H và ông P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng TMCP X yêu cầu bà H và ông P thanh toán vốn vay là 100.000.000 đồng; lãi suất tính đến ngày 23-5-2018 là 40.398.382 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn 7.085.833 đồng, lãi quá hạn 30.922.500 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 2.390.049 đồng).

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP X yêu cầu bà H và ông P thanh toán vốn vay 100.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 30-11-2018 là 51.158.623 đồng (Trong đó: Lãi suất trong hạn 7.085.833 đồng, lãi phạt chậm thanh toán lãi 3.070.290 đồng, lãi quá hạn 41.002.500 đồng) và khoản lãi phát sinh từ ngày 01-12-2018 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp bà H và ông P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu phát mãi tài sản để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số 142/15/HĐTC-BĐS/2000-1442 ngày 09-10-2015.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho các bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông P và bà H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng dân sự trong quá

trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện là đúng quy định pháp luật về trình tự, thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Về nội dung: Áp dụng các Điều 463, 465, 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng X buộc ông P và bà H thanh toán cho Ngân hàng vốn vay 100.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 30-11-2018 là 51.158.623 đồng (Trong đó: Lãi suất trong hạn 7.085.833 đồng, lãi phạt chậm thanh toán lãi 3.070.290 đồng, lãi quá hạn 41.002.500 đồng) và khoản lãi phát sinh từ ngày 01-12-2018 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Đề nghị xử lý tài sản để đảm bảo thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số 142/15/HĐTC-BĐS/2000-1442 ngày 09-10-2015 nếu ông P và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trương Tấn P và Nguyễn Thị Tuyết H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông P và bà H.

[2] Quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp: Ngày 09-10-2015, bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Trương Tấn P có ký kết hợp đồng tín dụng số 142/15/HĐTD/2000-1442 với Ngân hàng TMCP X vay vốn 100.000.000 đồng, mục đích vay để mua bán nón bảo hiểm, nữ trang bạc, Inox nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Hợp đồng này được các bên xác lập trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên làm cơ sở pháp lý buộc các bên thực hiện khi phát sinh tranh chấp theo hợp đồng.

[3] Theo thỏa thuận tại hợp đồng: Thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất trong hạn 7,5%/năm và cố định trong 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tính đến số dư thực tế và thời gian vay vốn thực tế, áp dụng số tiền vay giải ngân trước ngày 01-11-2015. Kể từ tháng thứ 7, lãi suất vay sẽ được thay đổi theo quy định của Ngân hàng TMCP X tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 3.69%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Phương thức thanh toán lãi vay trả hàng tháng, vốn vay được trả vào ngày đến hạn của hợp đồng. Trong quá trình vay, ông P và bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi cho Ngân hàng nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng. Như vậy, có đầy đủ căn cứ xác định ông P, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng nên cần buộc bên vay có nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 142/15/HĐTD/2000-1442 ngày 09-10-2015 các bên đã ký kết. Cụ thể: Ông P và bà H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng vốn vay 100.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 30-11-2018 là 51.158.623 đồng (Trong đó: Lãi suất trong hạn 7.085.833 đồng, lãi phạt chậm thanh toán lãi 3.070.290 đồng, lãi quá hạn 41.002.500 đồng) và khoản lãi phát sinh từ ngày 01-12-2018 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày

thanh toán dứt nợ.

[4] Để đảm bảo khoản vay, ông P và bà H ký kết hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng TMCP X phần đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau; được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 225649, thửa số 248, tờ bản đồ số 02 vào ngày 27-11-2000. Hợp đồng thế chấp số 142/15/HĐTC-BĐS/2000-1442 ngày 09-10-2015 được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09-10-2015 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M, tỉnh Cà Mau đúng theo quy định pháp luật nên được công nhận là hợp pháp. Do đó, trong trường hợp ông P, bà H không có khả năng thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP X có quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp ngày 09-10-2015 đối với quyền sử dụng đất số R 225649, thửa số 248, tờ bản đồ số 02, diện tích 600m^2 tọa lạc tại khóm 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau; được UBND huyện M, tỉnh Cà Mau cấp ngày 27-11-2000 cho bà Nguyễn Tuyết H.

[5] Về chi phí thẩm định: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X được Tòa án chấp nhận nên ông P và bà H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định 1.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã dự nộp xong nên buộc ông P và bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP X chi phí xem xét, thẩm định 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án, ông P và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Cụ thể: 151.158.623 x 5% = 7.558.000 đồng (Bảy triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng). Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên Ngân hàng TMCP X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã dự nộp được hoàn trả lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Trong quá trình diễn ra phiên tòa đến khi kết thúc tranh luận tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP X có mặt và xin vắng mặt khi Tòa án tuyên án được Hội đồng xét xử chấp nhận nên Ngân hàng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 465 và 468 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X về việc yêu cầu ông Trương Tấn P và bà Nguyễn Thị Tuyết H thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 142/15/HĐTD/2000-1442 ngày 09-10-2015.

Buộc ông Trương Tấn Phước và bà Nguyễn Thị Tuyết H cùng có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP X tổng vốn và lãi 151.158.623 đồng (Trong đó: Lãi suất trong hạn 7.085.833 đồng, lãi phạt chậm thanh toán lãi 3.070.290 đồng, lãi quá hạn 41.002.500 đồng) và khoản lãi phát sinh từ ngày 01-12-2018 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Trong trường hợp ông Trương Tấn P và bà Nguyễn Thị Tuyết H không có khả năng thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP X có quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số 142/15/HĐTC-BĐS/2000-1442 ngày 09-10-2015 đối với quyền sử dụng đất số R 225649, thửa số 248, tờ bản đồ số 02, diện tích 600m^2 tọa lạc tại khóm 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau; được UBND huyện M, tỉnh Cà Mau cấp ngày 27-11-2000 cho bà Nguyễn Tuyết H.

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày Ngân hàng TMCP X có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành xong, nếu ông P và bà H không tự nguyện thi hành xong số tiền nêu trên thì ông P và bà H phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 142/15/HĐTD/2000-1442 ngày 09-10-2015 cho đến khi dứt nợ.

- Chi phí tố tụng: Ông Trương Tấn P và bà Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định 1.000.000 đồng. Buộc ông P và bà H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng chi phí xem xét, thẩm định 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Tấn P và bà Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 7.558.000 đồng (Bảy triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng), chưa nộp.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí đã dự nộp 3.510.000 đồng (Ba triệu năm trăm mười nghìn đồng) tại biên lai số 0012068 ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng TMCP X, ông Trương Tấn P và bà Nguyễn Thị Tuyết H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út